TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **100**/2018/DS-ST
Ngày: 29/6/2018
V/v tranh chấp "hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Phu**

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Nhựt –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2018/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 238/2018/QĐXXST-DS ngày 11/6/2018; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà **Phạm Thị Bích T**, sinh năm 1972; (có mặt)

2. Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1974; (có mặt)

Cùng cư trú: Khóm V C 1, phường V Ng, thành phố C Đ, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Võ Thanh S (H)**, sinh năm 1959 (có mặt);

2. Bà **Phạm Thị N**, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 26, ấp Đ Ky, xã Q Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bà N ủy quyền cho ông S tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 04/6/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn trình bày: Do có mối quan hệ chị em ruột (bà N là chị bà T) nên vợ chồng bà có cho vợ chồng ông S, bà N vay số tiền 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, có làm biên nhận và Tờ cam kết mượn nợ, mục đích để vợ chồng ông S, bà N nuôi cá. Sau khi bán cá thì ông S, bà N đã thanh toán (ngày 06/11/2017) cho bà T và ông H được 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), đến nay còn nợ 500.000.000 đồng chưa thanh toán và không chịu thanh toán. Nên bà T và ông H khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh S và bà Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, và lãi suất theo thỏa thuận lá 1,5%/ tháng kể từ ngày 06/11/2017 cho đến ngày xét xử.

Ông Võ Thanh S trình bày: Thừa nhận có nhiều lần vay tiền nuôi cá của bà T và ông H, qua các lần thanh toán xác định còn nợ lại 500.000.000 đồng, nguyên nhân chưa thanh toán là do nguyên đơn không tiếp tục cho vay để đầu tư nuôi các dẫn đến thiệt hại, tuy nhiên cũng đồng ý trả theo mùa nuôi cá, mùa nào nuôi có lời thì trả nhiều.

Về chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình H giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Sau khi xem xét đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của nguyên đơn, xét thấy là cần thiết để bảo đảm việc thi hành án nên ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 252/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/6/2018, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản" là chiếc bè nuôi cá bằng gỗ, dài 12 m 60, rộng 6 m 63, sâu 6 m 76 tọa lạc tại ấp Phước Thọ, xã Đa Phước, huyện An Phú, tỉnh An Giang, để cho ông Võ Thanh S tiếp tục sử dụng nhưng không được mua bán, chuyển nhượng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu tính lãi thanh toán tiền vay nợ gốc 500.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng nhưng không đồng ý trả vì còn nợ nhiều người khác, nợ Ngân hàng nên yêu cầu nguyên đơn phải cung cấp tiền để bị đơn tiếp tục nuôi cá có lời sẽ trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Dương Văn H, bà Phạm Thị Bích T khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh S, bà Phạm Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán. Ông S, bà N có nơi cư trú tại ấp Đồng Ky, xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang nên xét thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Thanh S và bà Pham Thị N là vợ chồng nên áp dụng Điều 288 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình để buộc liên đới nghĩa vụ trả nợ.

Về thời hiệu: Thời điểm xác định trả nợ vay lần cuối ngày 06/11/2017 nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

Viện kiểm sát có Công văn không tham gia phiên tòa vì không đủ thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án,

[2] Về nội dung tranh chấp:

Hợp đồng vay giữa các bên có làm biên nhận và được các đương sự thừa nhận nên xem là hợp đồng hợp pháp, về lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay là 1,5% là thấp hơn so với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên đây là hợp đồng vay hợp pháp về lãi suất.

Tại phiên tòa bị đơn ông S thừa nhận còn nợ nhưng không đồng ý trả.

Tại phiên tòa, Ông Dương Văn H, bà Phạm Thị Bích T yêu cầu thanh toán số tiền vay còn nợ lại vốn là 500.000.000 đồng lãi suất theo thỏa thuận 1,5% từ ngày 06/11/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/6/2018 (là 7 tháng 23 ngày) là có lợi cho bị đơn nên lãi suất được tính như sau:

Tiền vốn 500.000.000 đồng x 1,5 %x 7 tháng 23 ngày = 58.250.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 558.250.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Về Biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản cần tiếp tục thực hiện nhằm bảo đảm nghĩa vụ thi hành án.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của ông H, bà T được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí,

Ông S, bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288; Điều 463; Điều 466; 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Xử: **Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H và bà Phạm Thị Bích T.**

Buộc ông Võ Thanh S và bà Phạm Thị N có trách nhiệm liên đới trả tiền cho ông Dương Văn H và bà Phạm Thị Bích T số tiền vốn 500.000.000 đồng lãi 58.250.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 558.250.000 đồng (Năm trăm năm mươi tám triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Duy trì Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 251/2018/QĐ-BPBĐ ngày 15/6/2018. Quyết định áp dụng biên pháp khẩn cấp tạm thời số 252/2018/QĐ-BPKCTT ngày 15/6/2018 để đảm bảo thi hành án cho bà Phạm Thị Bích T và ông Dương Văn H. Các quyết định trên sẽ được hủy bỏ khi bên phải thi hành án thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ hoặc tài sản trên bị xử lý theo Luật thi hành án dân sự.

Về án phí:

Ông Võ Thanh S và bà Phạm Thị N phải chịu 26.330.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Dương Văn H và bà Phạm Thị Bích T được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002933 ngày 20/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú.

Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt hoặc đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Phong Phi